TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HC-PT
Ngày: 25/01/2024
Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 705/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Vũ Hồng S, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị Thanh B (Phạm Thị H), sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Tổ D, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; ông S vắng mặt, bà B có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Dương Văn P, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Phạm Trung K – Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

**** Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H1 - Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Ngọc T – Phó giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B trình bày:

Bà Phạm Thị Thanh B và ông Vũ Hồng S trước đây công tác tại Cơ quan thường trực thuộc UBND huyện Đ. Năm 1992, bệnh viện huyện Đ chuyển địa điểm mới, ngày 26/6/1992 ông bà làm đơn xin mua nhà thanh lý, được lãnh đạo bệnh viện huyện Đ duyệt đồng ý giải quyết ngày 08/7/1991. Ngày 09/7/1992 Phó Chủ tịch UBND huyện Đ là ông Đàm Thế D đã phê vào đầu đơn, ghi "Chuyển phòng TC-KH giải quyết theo Thông báo của thường trực". Ngày 11/7/1992, ông bà được mua nhà và đã nộp tiền theo Phiếu thu số 01 ngày 11/7/1992 của Phòng Tài chính huyện Đ, khoản thu "mua 03 gian nhà cấp 4 của Bệnh viện chiểu theo Biên bản thanh lý số 539 tháng 5/1992 và Thông báo số 504 ngày 02/6/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Đ với giá 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm ngàn đồng)". Sau khi được UBND huyện Đ duyệt cho mua nhà thanh lý, hộ gia đình ông bà đã chuyển đến tu sửa nhà ở ổn định liên tục từ năm 1992 cho đến nay.

Năm 2006 hộ gia đình ông S bà B làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCNQSD) đất nộp UBND xã H, huyện Đ nhưng chưa được cấp GCNQSD đất.

Ngày 01/6/2021, ông bà tiếp tục có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, được UBND xã H tiếp nhận ngày 01/6/2021 sau đó UBND đã làm các thủ tục như lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc sử dụng đất, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất xác định khi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T đo đạc xác định ranh giới là thửa đất số 634 tờ bản đồ số 39 diện tích 296,5 m² và ngày 23/6/2021 đã xác nhận xác định thời điểm sử dụng đất từ năm 1992 không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch (kèm trích lục thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T xác nhận ngày 15/4/2021; trích lục thửa đất số 80 tờ bản đồ số 39 của Chi nhánh Tổng Công ty L1 - Công ty CP -, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cấp trích lục tháng 12/2021).

Ngày 04/5/2022, chi nhánh Văn phòng Đ (sau đây viết tắt là VPĐKĐĐ) huyện Đ ban hành thông báo số 62/TB-CNVPĐKĐĐ thông báo hồ sơ không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất với lý do phiếu thu mua gian nhà hội trường thanh lý ngày 11/01/1992 không thuộc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và thửa đất đề nghị cấp GCN không phù hợp với quy hoạch sử dụng.

Ngày 24/5/2022, UBND xã H đã mời gia đình ông bà đến làm việc về vấn

đề gia đình không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất.

Ngày 31/5/2022, ông bà đã có đơn gửi Chủ tịch UBND huyện Đ với nội dung không đồng ý về việc trả lại hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông bà. Ngày 13/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã có Công văn số 926/UBND-BTCD về việc giao nhiệm vụ giải quyết đơn thư của công dân, nội dung UBND huyện giao Chi nhánh VPĐKĐĐ chủ trì, phối hợp với phòng T2 cùng các đơn vị có liên quan xem xét, giải quyết trả lời công dân. Ngày 24/6/2022, UBND huyện Đ đã có thông báo mời ông S, bà B đến làm việc. Sau đó bà Vũ Ngọc T - Phó Giám đốc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ có ban hành Công văn số 483/CNVPĐKĐĐ ngày 30/6/2022 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân, nội dung tiếp tục xác định việc trả hồ sơ theo Thông báo số 62/TB-VPĐK ngày 04/5/2022 là đảm bảo quy định và đề nghị ông bà tiếp tục sử dụng đất và thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Ông bà xác định hành vi hành chính của UBND huyện Đ về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông bà là không đúng pháp luật vì lý do:

Thứ nhất, hộ gia đình ông S có đủ căn cứ chứng minh đã trả tiền thanh lý nhà theo biên bản thanh lý và thông báo của UBND huyện Đ.

Thứ hai, lý do cho rằng ông bà không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là không phù hợp với các quy định được nêu tại Thông báo số 62/TB-VPĐK ngày 04/5/2022 là không đúng quy định pháp luật vì gia đình ông bà thuộc trường hợp được cấp GCNQSD đất theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 chứ không phải theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai.

Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên bố hành vi trả lại hồ sơ cấp GCNQSD đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ nhận lại hồ sơ để cấp GCNQSD đất cho ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B tại thửa đất số 634 tờ bản đồ số 39, địa chỉ: Xã H (nay là thị trấn H), huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

1. Nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất của Công ty -.

Ngày 05/9/2000, UBND tỉnh T có Quyết định số 2615/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao cho Công ty - thuê đất để sử dụng vào mục đích xây dựng vườn ươm công nghiệp. Diện tích đất thu hồi của Trung tâm y tế huyện Đ giao cho thuê là 8.530 m², thời hạn cho thuê 20 năm.

Trên diện tích khu đất có 03 hộ gia đình đang cư trú (Nguồn gốc nhà ở của 03 hộ do mua thanh lý các gian nhà hội trường của Trung tâm y tế Đ năm 1992), trong đó có hộ ông Vũ Hồng S, vợ là bà Phạm Thị Thanh B. Tại biên bản hội nghị thỏa thuận địa điểm thuê đất của Công ty - ngày 15/7/1999 có nội dung "Công ty - có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí để các hộ mua nhà thanh lý di chuyển;

UBND xã H, Bệnh viện Đ, Ngân hàng Nông nghiệp có trách nhiệm phổ biến giải thích rõ cho các hộ gia đình đang ở hiểu và chấp hành chủ trương trên".

Ngày 17/4/2008, Công ty - (trước là Công ty -) có Công văn số 397 CV/CT-LN về việc đề nghị trả đất cho công ty phục vụ sản xuất cây giống lâm nghiệp có nội dung "Trước khi công ty được cấp quyền sử dụng đất, công ty đã đền bù trả các hộ tiền hoa màu trên đất đúng quy định của pháp luật; Đề nghị UBND huyện thông báo để các hộ có kế hoạch di chuyển trả lại đất cho công ty".

Sau khi 03 hộ có đơn đề nghị xem xét được cấp giấy CNQSD đất và ý kiến của UBND huyện Đ, ngày 14/02/2020, Tổng Công ty L1 đã có Công văn số 40/HĐQT-LN gửi Công ty -. Trong đó đối với diện tích 1.252,6 m² đất có thời hạn thuê hết tháng 9/2020, Công ty không thực hiện các thủ tục để tiếp tục thuê diện tích đất này trả lại cho địa phương vì đất bị tranh chấp kéo dài và hiện đang có nhà ở của các hộ dân. Đến ngày 28/2/2020, Công ty - đã có Công văn số 23/CT-LN trong đó có nội dung "Không thực hiện các thủ tục để tiếp tục thuê diện tích 1.252,6 m², trả lại cho địa phương vì tranh chấp kéo dài và hiện đang có nhà ở của các hộ dân".

Ngày 09/6/2020, UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 1635/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 của UBND tỉnh T và gia hạn thuê đất, trong đó điều chỉnh lại diện tích đất cho Công ty - thuê là 7.912,2 m² (Giảm 617,8 m² so với diện tích được UBND tỉnh thu hồi cho thuê đất tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000) tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 39 xã H, huyện Đ.

Ngày 07/8/2020, UBND tỉnh T có Quyết định số 2422/QĐ-UBND về việc cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tổng Công ty L1 - Công ty cổ phần tại xã H, huyện Đ, diện tích là 7.912,2 m².

Phần diện tích còn lại tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 là 617,8 m² (Một phần diện tích thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 39 xã H theo bản đồ địa chính có tổng diện tích là 1.252,6 m²) đến nay chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào quản lý và sử dụng, đất vẫn thuộc quản lý của Trung tâm y tế huyện Đ (Hiện tại Trung tâm y tế huyện không còn hồ sơ liên quan và quản lý diện tích này nhiều năm nay). Trên phần diện tích đất này có 03 hộ gia đình nêu trên đang sử dụng.

2. Quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất của ông Vũ Hồng S, vợ là bà Phạm Thị Thanh B (Phạm Thị H) mua gian nhà hội trường thanh lý năm 1992 của Trung tâm y tế Đ.

Năm 2006, hộ gia đình ông Vũ Hồng S làm đơn xin cấp mới giấy CNQSD đất và được Hội đồng xét duyệt cấp giấy CNQSD đất xã H đồng ý đủ điều kiện. Ngày 28/12/2006, UBND xã H đã có tờ trình số 497/TT-UB đề nghị UBND huyện cấp giấy CNQSD đất cho gia đình. Sau khi kiểm tra UBND huyện phát

hiện diện tích đất đề nghị có một phần nằm trong quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 của UBND tỉnh đã giao cho Công ty - nên không đủ điều kiện giải quyết.

Năm 2021, ông Vũ Hồng S, vợ là bà Phạm Thị Thanh B (Phạm Thị H) đề nghị cấp GCNQSD đất thửa đất số 634, tờ bản đồ số 39, diện tích 296,5 m² đất ONT (Thửa đất chỉnh lý từ thửa 80) và uỷ quyền cho ông Triệu Văn N, địa chỉ xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, nội dung ủy quyền là: Nộp hồ sơ và nhận kết quả hồ sơ cấp giấy CNQSD đất. Ngày 04/8/2021, ông Triệu Văn N đã nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện. Hồ sơ được Chi nhánh VPĐKĐĐ tiếp nhận, phối hợp cùng UBND xã H tiến hành đo đạc hoàn thiện hồ sơ. Tuy nhiên sau khi hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất đã phát hiện hồ sơ không đủ điều kiện tiến hành nên đã dừng để kiểm tra xác minh bổ sung.

3. Quan điểm của UBND huyện đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B (Phạm Thị H)

Căn cứ hồ sơ địa chính và các tài liệu có liên quan, UBND huyện Đ xác định:

- Diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng đề nghị cấp GCNQSD đất có nguồn gốc là đất của Trung tâm y tế Đ, trên đất có các gian nhà hội trường đã thanh lý cho các hộ từ năm 1992. Ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng để ở tạm và vẫn ở từ đó đến nay. Phần diện tích này đã được UBND tỉnh T thu hồi đất của Trung tâm y tế huyện Đ giao cho Công ty - thuê tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 diện tích là 8.530 m². Đến ngày 09/6/2020, UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 1635/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 của UBND tỉnh T và gia hạn thuê đất, trong đó điều chỉnh lại diện tích đất cho Công ty - thuê là 7.912,2 m² (tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 39 xã H, huyện Đ). Như vậy, diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đề nghị cấp giấy CNQSD đất vẫn thuộc quản lý của Trung tâm y tế huyện Đ (Hiện tại Trung tâm y tế huyện không còn hồ sơ liên quan và quản lý diện tích này nhiều năm nay) chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào quản lý sử dụng.

- Phiếu thu mua gian nhà hội trường thanh lý (bản phô tô) ngày 11/01/1992 và đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đơn trình bày nguồn gốc đất do ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B kê khai: "là đất của Trung tâm y tế huyện Đ, đến năm 1992 bán thanh lý cho vợ chồng tôi gian nhà hội trường…" không phải là thanh lý hoá giá nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013: "giấy tờ thanh lý, hoá giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật". Việc cấp GCNQSD đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật

Đất đai năm 2013: "Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất."

Tuy nhiên qua rà soát, đối chiếu quy hoạch, cụ thể:

+ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được phê duyệt tại Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh T, vị trí thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch đất SKC (Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

+ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (Điều chỉnh) được phê duyệt tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 25/2/2019 của UBND tỉnh T, vị trí thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch đất TMD (Thương mại dịch vụ) Tổ hợp dịch vụ Hồng Thái C.

+ Diện tích đất mà ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng đề nghị cấp GCNQSD đất không phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Đ thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 24/8/2021. Theo quy hoạch là đất thương mại (TMD).

+ Quy hoạch chung xây dựng Đô thị mới xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 là đất hỗn hợp.

+ Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu tổ hợp dịch vụ và công viên văn hóa thể thao H2 (Hồ N) xã H, huyện Đ đã được UBND tỉnh T phê duyệt tại Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 16/8/2021.

- Vị trí đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất do nằm trong phạm vi dự án Khu tổ hợp dịch vụ và công viên văn hóa thể thao H2 (Hồ N) đã được UBND tỉnh T phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 30/12/2022.

Do vậy, vị trí đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Từ các căn cứ trên, UBND huyện xác định không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất cho ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B thửa đất số 634, tờ

bản đồ số 39 xã H theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do vậy, UBND huyện Đ trả lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ trình bày:

1. Quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S, vợ là bà Phạm Thị Thanh B (Phạm Thị H):

Năm 2021, Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Đ nhận được hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất thửa đất số 634, tờ bản đồ số 39, diện tích 296,5 m² đất ONT (Thửa đất chỉnh lý từ thửa 80, tờ bản đồ 39) của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị B, trú tại tổ D, phường C, thành phố T, có đất tại xóm Ấ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (uỷ quyền cho ông Triệu Văn N địa chỉ xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đi nộp hồ sơ và nhận kết quả).

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, do hồ sơ có tính chất phức tạp nên Chi nhánh đã phối hợp cùng UBND xã H, ông Triệu Văn N và các cơ quan liên quan để thực hiện việc xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất làm căn cứ thẩm định hồ sơ. Trong quá trình đó, ông Triệu Văn N đã có thư kiến nghị gửi Chủ tịch UBND tỉnh về việc không được cấp GCNQSD đất. UBND huyện đã mời ông Triệu Văn N lên để giải quyết. Căn cứ kết quả xác minh của các phòng ban chuyên môn của huyện và Chi nhánh VPĐK đất đai cùng các tài liệu liên quan đến hồ sơ cấp GCNQSD đất của các ông bà liên quan (trong đó có ông Vũ Hồng S), UBND huyện đã trả lời ông N với nội dung: Hồ sơ không đủ điều kiện, và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo Văn bản số 621/UBND-TNMT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Đ. Trên cơ sở đó, Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Đ đã có Thông báo số 62/TB-VPĐK ngày 04/5/2022 về việc trả lại 02 hồ sơ do không đủ điều kiện, trong đó có hồ sơ của ông Vũ Hồng S.

2. Quan điểm của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Đ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B (Phạm Thị H):

Theo nội dung kê khai hồ sơ của ông Vũ Hồng S về nguồn gốc thửa đất: "Thửa 634 tờ bản đồ số 39 có nguồn gốc từ năm 1980 là của Trung tâm y tế huyện Đ, đến năm 1992 bán thanh lý cho vợ chồng tôi gian nhà hội trường,…".

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 quy định: "Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;…".

Theo quy định nêu trên, việc mua gian nhà hội trường thanh lý của Trung tâm y tế huyện Đ (hồ sơ có Phiếu thu số 01 ngày 11/7/1992 nộp kèm theo làm căn cứ), không thuộc trường hợp giấy tờ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Mặt khác, về nguồn gốc và tính pháp lý của khu đất gồm 3 hộ gia đình đang sinh sống có cùng nguồn gốc với gia đình ông Vũ Hồng S thì tại văn bản số 621/UBND-TNMT ngày 29/4/2022 của UBND huyện Đ về việc báo cáo kết quả giải quyết đơn đề nghị của ông Triệu Văn N gửi đồng chí chủ tịch UBND tỉnh đã khẳng định:

"Diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng đề nghị cấp GCNQSD đất có nguồn gốc là đất của Trung tâm y tế Đ, trên đất có các gian nhà hội trường đã thanh lý cho các hộ từ năm 1992. Ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng để ở tạm và vẫn ở từ đó đến nay. Phần diện tích này đã được UBND tỉnh T thu hồi đất của Trung tâm y tế huyện Đ giao cho Công ty - thuê tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 diện tích là 8.530 m². Đến ngày 09/6/2020, UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 1635/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 của UBND tỉnh T và gia hạn thuê đất, trong đó điều chỉnh lại diện tích đất cho Công ty - thuê là 7.912,2 m² (tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 39 xã H, huyện Đ). Như vậy, diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đề nghị cấp giấy CNQSD đất vẫn thuộc quản lý của Trung tâm y tế huyện Đ (Hiện tại Trung tâm y tế huyện không còn hồ sơ liên quan và quản lý diện tích này nhiều năm nay) chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào quản lý sử dụng."

Hơn nữa, vị trí đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất.

+ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được phê duyệt tại Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh T, vị trí thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch đất SKC (Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

+ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (Điều chỉnh) được phê duyệt tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 25/2/2019 của UBND tỉnh T, vị trí thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch đất TMD (Thương mại dịch vụ) tổ hợp dịch vụ Hồng Thái C.

+ Quy hoạch sử dụng đất huyện Đ thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 24/8/2021. Theo quy hoạch là đất thương mại (TMD).

+ Quy hoạch chung xây dựng Đô thị mới Hoá Thượng, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/6/2020. Theo quy hoạch là đất hỗn hợp.

+ Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu tổ hợp dịch vụ và công viên văn hóa thể thao H2 (Hồ N) xã H, huyện Đ đã được UBND tỉnh T phê duyệt tại Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 16/8/2021.

Do vậy, vị trí đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những căn cứ nêu trên, Chi nhánh VPĐK đất đai xác định không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 39, diện tích 296,5 m² đất ONT và đã có Thông báo số 62/TB-VPĐK ngày 04/5/2022 về việc trả lại hồ sơ do không đủ điều kiện, trong đó có ông Vũ Hồng S.

Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành xác minh tại Công ty - cho biết: Năm 2000 công ty - được UBND tỉnh có quyết định giao đất cho công ty có tổng diện tích 8.530 m² tại thửa đất số 80 tờ bản đồ số 39 xã H huyện Đ tỉnh Thái Nguyên. Công ty - được cấp GCNQSD đất với thời hạn thuê đất là 20 năm. Trong quá trình sử dụng, Công ty - đã đóng thuế hàng năm đối với 8.530 m² đất được giao. Do đến tháng 9 năm 2020 là hết hạn thời hạn thuê đất và trên đất Công ty - được giao có các hộ dân có nhà ở trên đất nên trước khi xin cấp đất thì Công ty - đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh lại diện tích đất cho thuê và điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất. Ngày 07/8/2020 UBND tỉnh T đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Tổng công ty L1 - Công ty cổ phần D1 7.912,2 m² tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 39 , thời hạn sử dụng đến ngày 05/9/2050. Đối với diện tích đất hiện các hộ dân trong đó có gia đình ông S bà B đang ở thì vẫn nằm trong tổng diện tích đất của công ty - đươc cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2000 nhưng từ tháng 9 năm 2020 Công ty lâm nghiệp chỉ quản lý đối với diện tích 7.912,2 m² do UBND tỉnh T cấp. Đối với phần diện tích đất của 03 hộ dân trong đó có hộ ông S và bà B thì Công ty - không quản lý từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay.

Ngày 11/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có văn bản đề nghị VPĐKĐĐ tỉnh T cung cấp cho Toà án GCNQSD đất cấp Công ty - năm 2000 và bản đồ chỉ giới số 45/CG do Sở địa chính phê duyệt tháng 8 năm 2000. Ngày 25/8/2023 VPĐKĐĐ tỉnh T có Công văn phúc đáp: Tính đến thời điểm hiện tại không có trong danh mục lưu trữ của VPĐKĐĐ tỉnh T quản lý, không có tài liệu cung cấp theo yêu cầu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng các Điều 30, 32, 116, 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 100, Điều 101, Điều 105 Luật Đất đai; Điều 19; Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về việc: Yêu cầu

tuyên bố hành vi trả lại hồ sơ cấp GCNQSD đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ nhận lại hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B tại thửa đất số 634, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: xã H (nay là thị trấn H), huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, người khởi kiện là ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và bà B, xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ trả lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lý do giấy tờ xin cấp đất không thuộc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất không phù hợp với các quy hoạch sử dụng là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải tiến hành thủ tục cấp GCNQSD thửa đất số 634 tờ bản đồ số 39, địa chỉ tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho vợ chồng bà B, ông S theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng tại thời điểm năm 1992 gia đình ông S và bà B mua nhà của Bệnh viện huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì Luật Đất đai năm 1987 đang có hiệu lực thi hành, trong đó tại Điều 5 quy định nghiêm cấm mua bán đất; do đó, giấy tờ mua bán thanh lý nhà của ông S và bà B năm 1992 là một trong các giấy tờ được công nhận theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 là đủ điều kiện được cấp đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng đất của ông S và bà B đang sử dụng nằm trong quy hoạch là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và bà B, tuyên bố hành vi trả lại hồ sơ cấp GCNQSD đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ nhận lại hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B tại thửa đất số 634 tờ bản đồ số 39, địa chỉ: xã H (nay là thị trấn H), huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm với nội dung xác định các hành vi hành chính bị khởi kiện là hợp pháp, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người khởi kiện là ông Vũ Hồng S, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tại phiên tòa, Người khởi kiện là bà Phạm Thị Thanh B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vì nội dung kháng cáo của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B giống nhau. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[3] Về đối tượng khởi kiện, ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B khởi kiện yêu cầu xác định hành vi của UBND huyện Đ về việc không cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông S và bà B thể hiện trong nội dung Thông báo số 62 ngày 04/5/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ, trả lại hồ sơ xin cấp GCNQSD đất với lý do giấy tờ không thuộc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất không phù hợp với các quy hoạch là không đúng pháp luật, buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ nhận lại hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B tại thửa đất số 634 tờ bản đồ số 39, địa chỉ: Xã H (nay là thị trấn H), huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho vợ chồng ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định các hành vi hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện và đã thụ lý giải quyết trong vụ án là đúng, phù hợp với quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B bảo đảm yêu cầu về thời hiệu là chính xác, phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

[5.1] Xét hành vi hành chính của UBND huyện Đ về việc không nhận hồ sơ xin cấp GCNQSD đất cho gia đình ông S và bà B:

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại Điều 105 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân. Việc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ tiến hành thẩm định hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S bà Phạm Thị Thanh B và có Thông báo số 62 về việc hồ sơ không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng đề nghị cấp GCNQSD đất có nguồn gốc của Trung tâm y tế huyện Đ, trên đất có các gian nhà Hội trường đã thanh lý cho các hộ từ năm 1992. Ông S, bà B cung cấp 01 Phiếu thu số 01 ngày 11/7/1992 đối với ông Vũ Hồng S về khoản: Mua 3 gian nhà cấp 4 của Bệnh viện chiểu theo Biên bản thanh lý số 539 tháng 5/1992 và Thông báo 504 ngày 02/6/1992 của UBND huyện Đ với số tiền 3.600.000 đồng thực chất là số tiền mua tài sản (3 gian nhà) trên đất chứ không phải là giấy tờ thanh lý hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật và theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 điều đó được thể hiện tại Thông báo số 504/UB-TB ngày 02/6/1992 của UBND huyện Đ (gọi tắt là Thông báo 504) về việc bán thanh lý khu nhà Bệnh viện huyện cũ trong đó ghi rõ: "4- Những nhà có nhu cầu dùng để ở, giao cho Phòng giao thông xây dựng cắm chỉ giới, tạm thời cho mượn đất". Như vậy chủ trương của UBND huyện Đ là thanh lý tài sản trên đất chứ không thanh lý đất; hộ nào có nhu cầu ở thì tạm thời cho mượn đất.

Sau khi Bệnh viện huyện Đ chuyển đi nơi khác (phần diện tích đất của Bệnh viên được giao cho Trung tâm y tế huyện Đ quản lý), toàn bộ phần diện tích đất này đã được UBND tỉnh T thu hồi giao cho Công ty - thuê tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000, diện tích 8.530 m² tại thửa đất số 80, TBĐ 39 xã H (thời hạn thuê là 20 năm).

Trên diện tích khu đất có 03 hộ gia đình đang cư trú (nguồn gốc nhà ở của 03 hộ do mua thanh lý các gian nhà hội trường của Trung tâm y tế huyện Đ năm 1992), trong đó có hộ ông Vũ Hồng S, vợ là bà Phạm Thị Thanh B.

Do có tranh chấp với 03 hộ dân trên trong suốt thời gian thuê đất nhưng không được giải quyết nên ngày 28/02/2020, Công ty - đã có Công văn số 23/CT-LN trong đó có nội dung "Không thực hiện các thủ tục để tiếp tục thuê diện tích 1.252,6 m², trả lại cho địa phương vì tranh chấp kéo dài và hiện đang có nhà ở của các hộ dân".

Ngày 09/6/2020, UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 1635/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 05/9/2000 của UBND tỉnh T và gia hạn thuê đất, trong đó điều chỉnh lại diện tích đất. Ngày 07/8/2020, UBND tỉnh T đã cấp GCNQSD đất cho Tổng công ty L1 - Công ty cổ phần T3 TBĐ 39 xã H, huyện Đ, diện tích 7.912,2 m², thời hạn sử dụng đến ngày 05/9/2050, nguồn gốc sử dụng Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Như vậy, diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đề nghị cấp GCNQSD đất vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước, chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý sử dụng và Thông báo số 62/TB-CNVPĐK ngày 04/5/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ đã nêu rõ lý do hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S bà Phạm Thị Thanh B không đủ điều kiện cấp là do P1 thu tiền mua gian nhà Hội trường thanh lý ngày 11/7/1992 không thuộc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Do hộ ông Vũ Hồng S không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai nên việc cấp GCNQSD đất cho ông S bà B được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai thể hiện *" Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".*

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đ được phê duyệt tại Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 22/10/2013 của UBND tỉnh T, vị trí thửa đất của ông S bà B đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch đất SKC (đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp);

+ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (điều chỉnh) được phê duyệt tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh T, vị trí thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc quy hoạch đất TMD (đất thương mại dịch vụ) tổ hợp dịch vụ Hồng Thái C. Việc UBND huyện Đ xác định: Diện tích đất ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B đang sử dụng đề nghị cấp GCNQSD đất không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Đ thời kỳ 2021 - 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 24/8/2021. Theo quy hoạch là đất thương mại (TMD); Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Hóa Thượng, huyện Đ đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/6/2020. Theo quy hoạch là đất hỗn hợp; Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu tổ hợp dịch vụ và công viên văn hóa thể thao H2 (Hồ N) xã H, huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 16/8/2021.

Như vậy, vị trí đề nghị cấp GCNQSD đất của ông Vũ Hồng S và bà Phạm Thị Thanh B không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất do nằm trong phạm vi dự án khu tổ hợp dịch vụ và công viên văn hóa , thể thao H2 (Hồ N) đã được UBND tỉnh T phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 30/12/2022.

Do đó, UBND huyện Đ không nhận hồ sơ xin cấp GCNQSD đất với lý

do: Thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất không phù hợp với các quy hoạch sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5.2] Đối với Công văn số 438/CNVPĐKĐĐ ngày 30/6/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đồng Hỷ: Do không đồng ý với Thông báo số 62/TB-VPĐK ngày 04/5/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đ về việc trả lại hồ sơ xin cấp GCNQSD đất, ngày 31/5/2022, ông S đã có đơn kiến nghị gửi Chủ tịch UBND huyện Đ, ngày 13/6/2022 Chủ tịch UBND huyện Đ có Công văn số 926/UBND-BTCD về việc giao Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện chủ trì phối hợp với Phòng T2 và các đơn vị có liên quan xem xét giải quyết, trả lời đơn của công dân. Ngày 30/6/2022, Chi nhánh VPĐKĐĐ ban hành Công văn số 438/CNVPĐKĐĐ trả lời đơn đề nghị của công dân, do vậy xác định là văn bản hành chính có liên quan.

Về nội dung: Trong đơn của ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B đề nghị Chủ tịch UBND huyện Đ thực hiện hành vi hành chính cấp GCNQSD đất cho gia đình ông. Nội dung ông S bà B khiếu nại cũng chính là nội dung ông bà nêu trong đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, đối chiếu với quy định Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43 của chính phủ, có cơ sở khẳng định hành vi hành chính của UBND huyện Đ không nhận hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông Vũ Hồng S bà Phạm Thị Thanh B là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Công văn số 438/CNVPĐKĐĐ ngày 30/6/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Đồng Hỷ trả lời đơn của ông Vũ Hồng S bà Phạm Thị T1 có nội dung: "Việc trả lại hồ sơ theo Thông báo số 62/TB-VPĐK ngày 04/5/2022 là đảm bảo quy định của pháp luật" là có căn cứ pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Vũ Hồng S, bà Phạm Thị Thanh B phải nộp

300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000299 ngày 15/9/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khánh